

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HN&GD-ST

Ngày: 22 - 6 - 2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Ba.

2. Bà Lê Thị Chín.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 466/2019/TLST-HN&GD, ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HN&GD, ngày 01 tháng 6 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HN&GD ngày 17/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1972, CMND số: 261381966;

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1971, CMND số: 260612584;

Nơi cư trú: Số nhà T, đường số Z, thôn X, xã Y, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” lập ngày 10/10/2019, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc trình bày của chị Nguyễn Thị M thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đi đến kết hôn năm 1997, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, số giấy chứng nhận kết hôn: 51/TLKH-BS, số 74, đăng ký ngày 30/12/1997. Quá trình chung sống, giữa chị và anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không phù hợp, không có sự cảm thông chia sẻ lẫn nhau nên thường xảy ra va chạm, cãi vã nhau. Do vậy, sau ngày cưới chị và anh H chỉ sống chung được khoảng 02 tháng rồi ly thân từ đầu năm 1998 đến nay, chị chuyển về sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với anh H nữa. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị với anh H có với nhau 01 người con chung tên: Nguyễn Văn TH, sinh năm 1998, nay đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn H đã không hợp tác, tham gia tố tụng. Qua nhiều lần xác minh, xác định được anh Nguyễn Văn H hiện đang có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Y, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, sống chung với một người mẹ già trên 90 tuổi. Tuy nhiên, anh H thường xuyên đi làm thuê vắng nhà, người mẹ già ở nhà một mình và không bao giờ mở cửa tiếp xúc với người lạ. Về đời sống hôn nhân, gia đình của anh H và chị M: Đại diện thôn, xóm và những người xung quanh đều cho biết vợ chồng họ sống với nhau không hạnh phúc, chỉ được một thời gian ngắn thì chị M bỏ đi nơi khác sinh sống giống như những gì chị M đã trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y vào năm 1997 nhưng trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh chị có 01 người con chung đã đến tuổi trưởng thành. Nên chấp nhận yêu cầu của chị M về ly hôn, về con chung, tài sản chung chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 10/10/2019, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh H vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, là trường hợp được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 1997, tại UBND xã Y. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là về kinh tế gia đình, tính tình anh chị không hợp nhau, thường xuyên cãi vã

dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau thời gian khá dài, trong thời gian đó chị M, anh H không ai quan tâm đến ai, ai cũng có cuộc sống riêng của mình. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau nhưng anh H không tham gia, kết quả hòa giải không thành. Hiện chị M đã xác định không còn tình cảm yêu thương gì với anh H nữa, chị nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị M với anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị M là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này

[7] Về những vấn đề khác: Năm sinh của chị Nguyễn Thị M ghi ở Giấy chứng nhận kết hôn với năm sinh của chị Nguyễn Thị M ghi ở Chứng Minh nhân dân không trùng khớp đã được xác nhận hai người là một và xác định chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn trong vụ án này là chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1972, Chứng minh nhân dân số: 261381966. Năm sinh của anh Nguyễn Văn H ghi trong đơn, các bản khai với năm sinh của anh Nguyễn Văn H ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn không trùng khớp đã được chị Nguyễn Thị M cam đoan, xác nhận bị đơn trong vụ án này là anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971, Chứng minh nhân dân số: 260612584 như ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định nguyên đơn trong vụ án là chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1972, Chứng minh nhân dân số: 261381966; Bị đơn trong vụ án này là anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971, chứng minh nhân dân số: 260612584.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M là người phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị M thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân Tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ

án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị M đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003259, ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú. (đã giải thích).

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã Trà Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức